

Số: 3475/TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO

V/v mời báo giá Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế.

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/06/2023 của Bộ Y tế về việc Quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds. Nguyễn Hà Hoà – Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh.

Số điện thoại liên hệ: 0387.868.115

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Ds. Nguyễn Hà Hoà – Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

- Nhận qua email: hahoanguyen251@gmail.com

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 7h30p ngày 20 tháng 11 năm 2023 đến trước 16h30p ngày 30 tháng 11 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn của hiệu lực báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị) (Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm).
2. Bảng cung cấp thông tin hàng hóa và chào giá (Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm).
3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Kho Hóa chất – Khoa Dược – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh.
4. Thời gian giao hàng dự kiến: Không.
5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không.
6. Các thông tin khác (nếu có): Không.

Do nhu cầu cấp thiết về hóa chất phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện, kính đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế nhanh chóng cung cấp thông tin để bên Bệnh viện tiến hành các thủ tục tiếp theo.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, KD.



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Việt

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số 3475/TB-BVT ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng PTH (Parathyroid Hormon)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	600
2	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PTH (Parathyroid Hormon)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng nồng độ TSH (Thyroid Stimulating hormone)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	28.800
4	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	10,4
5	Hóa chất xét nghiệm định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	1.600
6	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	16

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
7	Hóa chất xét nghiệm định lượng Calcitonin	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	300
8	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Calcitonin	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
9	Hóa chất xét nghiệm định lượng ACTH (Adrenocorticotrophic hormone)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	3.300
10	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ACTH (Adrenocorticotrophic hormone)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	12
11	Hóa chất xét nghiệm định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	5.800
12	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	12
13	Hóa chất xét nghiệm định lượng Anti-Tg (Antibody- Thyroglobulin)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	800

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
14	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Anti-Tg (Antibody-Thyroglobulin)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	12
15	Hóa chất xét nghiệm định lượng Tg (Thyroglobulin)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	3.900
16	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Tg (Thyroglobulin)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8
17	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	4.600
18	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8
19	Hóa chất xét nghiệm định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	10.200
20	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
21	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cortisol	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	5.800
22	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Cortisol	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8
23	Hóa chất xét nghiệm định lượng C-peptid	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	300
24	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng C-Peptid	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
25	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cyfra 21- 1	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	3.300
26	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Cyfra 21- 1	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
27	Hóa chất xét nghiệm định lượng Beta Crosslap	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	300

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
28	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Beta Crosslap	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
29	Hóa chất xét nghiệm định lượng beta HCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	8.000
30	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng beta HCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8
31	Hóa chất xét nghiệm định lượng HE4	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	600
32	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HE4	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8
33	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng HE4	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8
34	Hóa chất xét nghiệm định lượng Insulin	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	300

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
35	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Insulin	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
36	Hóa chất xét nghiệm định lượng NSE (Neuron Specific Enolase)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	2.000
37	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NSE (Neuron Specific Enolase)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8
38	Hóa chất xét nghiệm định lượng proBNP (NT-proBNP)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	12.200
39	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng proBNP (NT-proBNP)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	12
40	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng proBNP (NT-proBNP)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	24
41	Hóa chất xét nghiệm định lượng Progesterone	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	2.400

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
42	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Progesterone	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8
43	Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	2.800
44	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8
45	Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	1.400
46	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8
47	Hóa chất xét nghiệm định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	800
48	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
49	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4 (Free Thyroxine)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	28.800
50	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4 (Free Thyroxine)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	12
51	Hóa chất xét nghiệm định lượng Testosterol	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	800
52	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Testosterol	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8
53	Hóa chất xét nghiệm định lượng Troponin Ths	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	40.000
54	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin Ths	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	12
55	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng Troponin Ths	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	24

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
56	Hóa chất xét nghiệm PIVKA II	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	300
57	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm PIVKA II	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
58	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm PIVKA II	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
59	Hóa chất xét nghiệm định lượng T3 (Tri iodothyronine)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	13.000
60	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3 (Tri iodothyronine)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	12
61	Hóa chất xét nghiệm định lượng Anti - TPO (Anti- thyroid Peroxidase antibodies)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	900
62	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Anti - TPO (Anti- thyroid Peroxidase antibodies)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	12

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
63	Hóa chất xét nghiệm định lượng IgE (Immunoglobuline E)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	1.000
64	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng IgE (Immunoglobuline E)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
65	Hóa chất xét nghiệm định lượng 25OH Vitamin D (D3)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	600
66	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 25OH Vitamin D (D3)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
67	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng 25OH Vitamin D (D3)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	12
68	Hóa chất xét nghiệm định lượng Estradiol	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	800
69	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Estradiol	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
70	Hóa chất xét nghiệm định lượng LH (Luteinizing Hormone)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	800
71	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng LH (Luteinizing Hormone)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
72	Hóa chất xét nghiệm định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	800
73	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
74	Hóa chất xét nghiệm định lượng Prolactin	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	800
75	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Prolactin	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
76	Hóa chất xét nghiệm định lượng Pro-GRP (Pro- Gastrin-Releasing Peptide)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	800

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
77	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Pro-GRP (Pro- Gastrin-Releasing Peptide)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
78	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	4.900
79	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	12
80	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 125 (cancer antigen 125)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	2.700
81	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125 (cancer antigen 125)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8
82	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	3.700
83	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
84	Hóa chất xét nghiệm định lượng Pro-calcitonin	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	5.800
85	Hóa chất xét nghiệm định lượng IL-6 (Interleukin 6)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	600
86	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng IL-6 (Interleukin 6)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8
87	Hóa chất xét nghiệm định lượng AMH (Anti- Mullerian Hormone)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	300
88	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AMH (Anti- Mullerian Hormone)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
89	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng AMH (Anti- Mullerian Hormone)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8
90	Hóa chất xét nghiệm định lượng Folate	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	300

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
91	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Folate	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
92	Hóa chất xét nghiệm định lượng Vitamin B12	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	100
93	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Vitamin B12	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
94	Hóa chất xét nghiệm định lượng GH (Growth Hormone)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	300
95	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng GH (Growth Hormone)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
96	Hóa chất xét nghiệm định lượng yếu tố tân tạo mạch máu (PLGF – Placental Growth Factor)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	300
97	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng yếu tố tân tạo mạch máu (PLGF – Placental Growth Factor)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
98	Hóa chất xét nghiệm định lượng yếu tố kháng tân tạo mạch máu (sFlt-1-soluble FMS like tyrosinkinase-1)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	300
99	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng yếu tố kháng tân tạo mạch máu (sFlt-1-soluble FMS like tyrosinkinase-1)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	4
100	Hóa chất kiểm tra chất lượng bộ xét nghiệm hormone tuyến giáp (Anti-Tg, Anti-TPO, Anti-TSHR)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	8
101	Hóa chất kiểm tra chất lượng các xét nghiệm chỉ điểm ung thư (CA 72-4, CEA, Cyfra 21-1, free PSA, Total PSA, NSE, AFP, CA 125, CA 15-3, CA 19-9)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	24
102	Hóa chất kiểm tra chất lượng các xét nghiệm chỉ điểm ung thư phổi (Cyfra 21-1, proGRP, SCC)	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	24
103	Hóa chất kiểm tra chất lượng các xét nghiệm định lượng Vitamin B12, Folate, PTH, Calcitonin	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	12

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
104	Hóa chất kiểm tra chất lượng các xét nghiệm định lượng ACTH, C-Peptide, hGH, Insulin, IL-6	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	12
105	Hóa chất kiểm tra chất lượng chung cho các xét nghiệm miễn dịch	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	48
106	Hóa chất pha loãng chung cho các xét nghiệm miễn dịch	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	640
107	Hóa chất rửa kim hút hóa chất trong máy miễn dịch	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	1.680
108	Hóa chất rửa bổ sung cho các xét nghiệm miễn dịch	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	450.000
109	Hóa chất phản ứng hệ thống	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Lít	900
110	Hóa chất rửa điện cực	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	mL	1.000

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
111	Hóa chất rửa hệ thống	- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Lít	860
112	Cốc phản ứng và đầu côn hút mẫu	- Cốc phản ứng và đầu côn hút mẫu sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E601. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	241.920

PHỤ LỤC 2
BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CHÀO GIÁ
(Kèm theo Thông báo số 3475/TB-BVT ngày 20/11/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

Thông tin của đơn vị báo giá
(Tên, địa chỉ, số điện thoại, email)

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi ... *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

S T T	Tên hàng hoá	Tên Thương mại, ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Hãng/ nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trúng thầu trong vòng 120 ngày gần nhất (nếu có)		
																	Giá trúng thầu	Số, ngày QĐ phê duyet trúng thầu	Đơn vị phê duyệt kết quả trúng thầu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1																			

Ghi chú:

Đơn vị phải cung cấp đầy đủ thông tin vào các cột chưa điền thông tin.

Đơn vị cung cấp kèm theo bản scan hợp đồng đã trúng thầu và/hoặc hóa đơn bán hàng trong vòng 120 ngày kèm theo (nếu có).

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., Ngày... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(ký tên, đóng dấu (nếu có))

